

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-PT

Ngày: 15-01-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng;

- Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2019/TLPT-DS ngày 06-12-2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2019/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 353/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 549, ấp H, xã TV, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn V2, sinh năm 1957; cư trú tại: D40/3, ấp T, xã HT, huyện H, tỉnh Tây Ninh (Theo giấy ủy quyền ngày 25-6-2019); có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Trần Quốc V, sinh năm 1959; có mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị Mộng Đ1, sinh năm 1966; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số 20, đường N, Khu phố M, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1: Ông Nguyễn Văn V3, sinh năm 1960; HKTT: Số 391/16/7D, đường Huỳnh Tấn Phát, khu phố M, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: Số 8, hẻm 14, Khu phố M, Phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; (Theo giấy ủy quyền ngày 31-01-2019); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 549, ấp H, xã TV huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Anh Phạm Tấn Đ2, sinh năm 1995; cư trú tại: Số 549, ấp H, xã TV, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn V3 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-01-2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Phan Văn V2 trình bày:

Ngày 26-7-2015 vợ chồng ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 có mượn của ông Phạm Văn Đ số tiền 1.200.000.000 đồng để kinh doanh xăng dầu, thời gian vay ngắn nên không tính lãi. Nhưng sau đó ông V, bà Đ1 không có khả năng thanh toán nợ nên xin trả dần bằng hình thức ông V, bà Đ1 đóng tiền mua xe trả góp hàng tháng cho ông Đ, căn trừ tiền hụi và trả góp cho ông Đ (do anh Đ2 con ông Đ nhận) mỗi tháng 5.000.000 đồng đến ngày 21-12-2018 thì ngưng.

Tính đến ngày 31-12-2018 ông V, bà Đ1 trả cho ông Đ được 925.000.000 đồng tiền nợ gốc nên các bên chốt nợ còn 275.000.000 đồng, bà Đ1 ghi giấy nợ 275.000.000 đồng ông V, bà Đ1 ký tên đưa ông Đ giữ. Khi ông Đ yêu cầu ông V, bà Đ1 thanh toán số tiền nợ còn thiếu này thì ông V, bà Đ1 né tránh không trả tiền nên ông Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà Đ1 trả số tiền 275.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn V3 trình bày:

Ngày 26-7-2015 ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 có vay của ông Phạm Văn Đ và bà Huỳnh Thị M số tiền 1.200.000.000 đồng, trả bằng hình thức khấu trừ tiền hụi và tiền góp xe. Đến ngày 31-12-2018 các bên chốt nợ ông V, bà Đ1 còn nợ 275.000.000 đồng nhưng chưa khấu trừ tiền hụi chết 160.000.000 đồng của dây hụi khai ngày 01-01-2015 mà bà Huỳnh Thị M (vợ ông Đ) đã hốt hụi vào tháng 5-2015.

Ngày 08-3-2019 bà Đ1 và ông V có đơn phản tố yêu cầu ông Đ và bà M trả số tiền nợ hụi 08 kỳ hụi chết của dây hụi khai ngày 01-01-2015 là 160.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01-02-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm để

khấu trừ vào số tiền nợ 275.000.000 đồng. Ông V, bà Đ1 chỉ đồng ý trả cho ông Đ, bà M số tiền 115.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu phản tố của ông V, bà Đ1: Ông Đ không đồng ý yêu cầu phản tố của ông V, bà Đ1; không đồng ý khấu trừ số tiền nợ hui 160.000.000 đồng, không đồng ý nội dung trong giấy nhận hui ngày 01-5-2015, chỉ thừa nhận chữ ký, chữ viết là của bà M nhưng bà M không nhớ đã ký vào lúc nào và ký ở đâu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M và đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày : Bà M không đồng ý yêu cầu phản tố của ông V, bà Đ1; không đồng ý khấu trừ tiền nợ hui 160.000.000 đồng vì đã trả xong (khấu trừ vào số nợ 1.200.000.000 đồng), bà M thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, yêu cầu ông V và bà Đ1 thanh toán số tiền nợ 275.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tấn Đ2 trình bày : Anh biết việc ông V, bà Đ1 nợ ba mẹ anh là ông Đ, bà M số tiền 1.200.000.000 đồng, đến ngày 31-12-2018 thì các bên chốt nợ, bà Đ1 viết giấy còn nợ ba mẹ anh số tiền 275.000.000 đồng. Ngày 21-12-2018 ông V có đưa cho anh 5.000.000 đồng tiền trả góp hàng tháng cho ông Đ và anh đã đưa số tiền này lại cho ông Đ. Từ sau ngày 31-12-2018 thì anh không có nhận số tiền nào từ ông V, bà Đ1.

Tại bản án số: 67/2019/DS-ST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Phạm Văn Đ đối với ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” của ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 đối với ông Phạm Văn Đ và bà Huỳnh Thị M.

Buộc ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 trả cho ông Phạm Văn Đ và bà Huỳnh Thị M số tiền 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm do chậm thi hành án; án phí; quyền và nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04-11-2019 ông Nguyễn Văn V3 đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của

ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1, yêu cầu ông Đ và bà M trả tiền hụi 160.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần Quốc V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông Đ và bà M trả tiền hụi chết 160.000.000 đồng của dây hụi khai ngày 01-01-2015 dương lịch; yêu cầu khấu trừ 160.000.000 đồng tiền hụi này vào số nợ 275.000.000 đồng, số tiền còn lại 115.000.000 đồng chấp nhận trả cho ông Đ, bà M; khi hai bên chốt nợ vào ngày 31-12-2018 chưa trừ tiền nợ hụi chết vì ông Đ, bà M không đồng ý trừ nói để trả sau.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn V3 trình bày: Thống nhất với trình bày của ông V; yêu cầu ông Đ và bà M trả cho ông V và bà Đ1 160.000.000 đồng tiền hụi, khấu trừ vào số nợ 275.000.000 đồng.

- Ông Phạm Văn Đ trình bày: Vợ chồng ông có góp hụi 20.000.000 đồng/tháng, khai ngày 01-01-2015 dương lịch, dây hụi có 13 phần do bà Đ1 làm chủ thảo là đúng, đã hốt hụi vào tháng 5 năm 2015, hai bên thống nhất trừ tiền hụi chết hàng tháng vào số nợ 1.200.000.000 đồng, đã trừ tiền hụi chết xong không còn nợ ông V, bà Đ1; dây hụi này đã mãn vào tháng 01 năm 2016, ngày 31-12-2018 hai bên tính toán chốt nợ ông V và bà Đ1 còn nợ vợ chồng ông 275.000.000 đồng, bà Đ1 viết giấy nợ ngày 31-12-2018 đưa ông giữ; không đồng ý khấu trừ tiền hụi 160.000.000 đồng; yêu cầu ông V, bà Đ1 trả cho vợ chồng ông số tiền 275.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Ông Phan Văn V2 trình bày: Thống nhất với trình bày của ông Đ, yêu cầu ông V và bà Đ1 trả cho ông Đ và bà M số tiền 275.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc V, bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 do ông Nguyễn Văn V3 đại diện; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 67/2019/DS-ST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị M, anh Phạm Tấn Đ2 vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1, 2

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ1, bà M và anh Đ2.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Quốc V, bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 do ông V3 đại diện yêu cầu ông Đ và bà M trả cho ông V, bà Đ1 tiền hụi chết 160.000.000 đồng, thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông V, ông V3 xác định không có giấy chốt lại nợ tiền hụi 160.000.000 đồng, chỉ có giấy đăng tiền hụi bà M nhận ngày 01-5-2015 (bút lục số 20); các lần ông Đ đóng hụi sống do bà Đ1 nhận đều không có ghi giấy nhận tiền hụi; trong tờ giấy (bút lục số 19) do bà Đ1 cung cấp có ghi “chốt đến ngày 31/12/2018 còn nợ 275 triệu chưa tất toán số tiền hụi còn 160.000.000 đồng” là do bà Đ1 viết. Ông Đ, ông V2 xác định hai bên đã thống nhất trừ tiền hụi chết hàng tháng vào số nợ 1.200.000.000 đồng nên khi chốt nợ bà Đ1 ghi giấy nợ chị Diệp số tiền 275.000.000 đồng.

Xét thấy, theo giấy nhận tiền (bút lục số 19) do bà Đ1 cung cấp có ghi “chốt đến ngày 31/12/2018 còn nợ 275 triệu chưa tất toán số tiền hụi còn 160.000.000 đồng” nhưng do bà Đ1 viết và có sửa chữ số, không có ký nhận nợ của bà M nên chưa có đủ cơ sở chứng minh bà M, ông Đ còn nợ 160.000.000 đồng. Quá trình giải vụ án cũng như tại phiên tòa hai bên thống nhất ngày chốt nợ là ngày 31-12-2018 ông V, bà Đ1 còn nợ ông Đ, bà M là 275.000.000 đồng, cuối giấy nợ bà Đ1 ghi “ngoài số nợ này không còn nợ anh chị Diệp số tiền nào nữa” (bút lục 13), chứng tỏ các bên sau khi khấu trừ nợ, mới làm giấy chốt nợ; hơn nữa đây hụi khai ngày 01-01-2015 đã mãn vào tháng 01 năm 2016, là đã mãn hụi trước khi hai bên chốt nợ. Vì vậy, việc ông V, bà Đ1 và ông V3 cho rằng ngày 31-12-2018 chốt nợ, viết giấy nợ ông Đ, bà M nhưng chưa khấu trừ tiền nợ hụi 160.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Ông V, bà Đ1 do ông V3 đại diện kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh hiện nay ông Đ và bà M còn nợ 160.000.000 đồng tiền hụi nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc ông V và bà Đ1 trả cho ông Đ và bà M số tiền 275.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông V và bà Đ1 về yêu cầu ông Đ, bà M trả số tiền 160.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm tuyên ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 phải chịu 21.750.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cần ghi cụ thể trong phần nhận định ông V và bà Đ1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 13.750.000 đồng và án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận là 8.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo. Do kháng cáo của ông V, bà Đ1 (do ông V3 đại diện) không được chấp nhận nên ông V và bà Đ1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1, 2 Điều 228; các điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 do ông Nguyễn Văn V3 đại diện.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 67/2019/HNGĐ-ST ngày 23-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của ông Phạm Văn Đ đối với ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1.

Buộc ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn Đ và bà Huỳnh Thị M số tiền 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Đ, bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông V và bà Đ1 không thi hành số tiền trên thì hàng tháng ông V và bà Đ1 còn phải trả cho ông Đ, bà M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” của ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 đối với ông Phạm Văn Đ và bà Huỳnh Thị M.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 phải chịu 21.750.000 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng ông V, bà Đ1 đã nộp theo biên lai thu số: 0006729 ngày 20-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Ông V và bà Đ1 còn phải nộp 17.750.000 đồng.

Ông Phạm Văn Đ không phải chịu án phí, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí 6.875.000 đồng (sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 0006512 ngày 17-01-2019.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quốc V và bà Nguyễn Thị Mộng Đ1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001926 ngày 03-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TPT, tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS TPT, tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Tuyền